

Số: 25 /GPMT-UBND

Bình Phước, ngày 09 tháng 5 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 06/CVMT-YEVN ngày 19/4/2024 của Công ty TNHH Young Eun Vina về việc đề nghị phê duyệt cấp Giấy phép môi trường của Dự án "Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Young Eun Vina" (Quy mô: Sản xuất, gia công keo dán công nghiệp với công suất 1.800 tấn/năm; sản xuất, gia công các tấm đệm từ cao su với công suất 1.080.000 m²/năm) tại lô B1-B, KCN Becamex - Bình Phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 30/TTr-BQL ngày 22/4/2024 và Công văn số 663/BQL-QHXDTNMT ngày 26/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Young Eun Vina (sau đây gọi là Chủ dự án), địa chỉ: tại Lô B1-B, KCN Becamex - Bình Phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án "Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Young Eun Vina" (Quy mô dự án: sản xuất, gia công keo dán công nghiệp với công suất 1.800 tấn/năm; sản xuất, gia công các tấm đệm từ cao su với công suất 1.080.000 m²/năm) (sau đây gọi là Dự án) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án

1.1. Tên Dự án: "Nhà máy sản xuất công ty TNHH Young Eun Vina" (Quy mô dự án: sản xuất, gia công keo dán công nghiệp với công suất 1.800 tấn/năm; sản xuất, gia công các tấm đệm từ cao su với công suất 1.080.000 m²/năm).

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B1-B, KCN Becamex - Bình Phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 3289784580 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận lần đầu ngày 10/5/2019, chứng nhận điều chỉnh lần thứ sáu ngày 07/3/2024.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 3801201225 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 28/5/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09/11/2022.

1.4. Mã số thuế: 3801201225.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công keo dán công nghiệp; sản xuất, gia công các tấm đệm từ cao su.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án có tiêu chí môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô B1-B, KCN Becamex - Bình Phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Tổng diện tích dự án: 19.920 m².

- Quy mô: Dự án đầu tư có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô các hạng mục công trình của Dự án:

+ Hạng mục công trình chính: Nhà xưởng có tổng diện tích 2.034 m².

+ Hạng mục phụ trợ: Nhà ăn, văn phòng, nhà bảo vệ, nhà để xe máy, xe ô tô, chỗ để bồn hóa chất, nhà kho nguyên liệu,... có tổng diện tích 609,5 m².

+ Hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Kho chất thải rắn công nghiệp thông thường, kho chất thải rắn sinh hoạt, kho chất thải nguy hại, hệ thống xử lý khí thải, hệ thống xử lý nước thải,... có tổng diện tích 75 m².

+ Đất giao thông có diện tích 5.215 m²; đất cây xanh và dự trữ có tổng diện tích 11.986,5 m².

- Công suất:

+ Sản xuất, gia công keo dán công nghiệp: 1.800 tấn/năm.

+ Sản xuất, gia công các tấm đệm từ cao su: 1.080.000 m²/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại

Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Young Eun Vina:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

2. Công ty TNHH Young Eun Vina có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Bình Phước, Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Chơn Thành, Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex Bình Phước nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 09 tháng 5 năm 2024 đến ngày 09 tháng 5 năm 2034).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử tỉnh và giao Ban Quản lý Khu kinh tế tiếp



nhận Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của dự án theo quy định tại Khoản 5, Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Young Eun Vina;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- Sở TN&MT;
- Sở TT&TT;
- UBND thị xã Chơn Thành;
- Công ty CP PTHKT Becamex Bình Phước;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT (NN-8GP^{25/4}).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huyệnh Anh Minh

Phụ lục 1.

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...25.../GPMT-UBND ngày 09/15/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Nước thải (sinh hoạt, sản xuất) phát sinh của dự án được xử lý như sau:

- Nước thải sinh hoạt và nước thải từ hệ thống lọc nước cấp cho sản xuất, nước thải từ quá trình rửa lọc được thu gom, xử lý sơ bộ đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT và đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định, không xả trực tiếp ra môi trường.

Đã thỏa thuận đầu nối nước thải phát sinh từ dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước tại các Văn bản: Hợp đồng thuê đất số 04/2019/HĐTD ngày 04/7/2019, Biên bản thỏa thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật của Dự án tại KCN ngày 30/11/2020 giữa Công ty TNHH Young Eun Vina và Công ty CP phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex - Bình Phước.

- Nước thải sản xuất (nước giải nhiệt, vệ sinh máy móc, thiết bị) được thu gom, lưu chứa trong bồn nhựa và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Nước thải sản xuất phát sinh từ dự án không xả trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Mạng lưới thu gom nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt của dự án với lưu lượng khoảng 2,4 m³/ngày, được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, nước thải từ hệ thống lọc nước cấp cho sản xuất phát sinh 0,5 m³/ngày và nước thải từ quá trình rửa lọc phát sinh 0,5 m³/03 tháng, được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án với công suất 05 m³/ngày (24 giờ) để xử lý. Toàn bộ lượng nước thải phát sinh sau khi xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải (01 điểm đầu nối trên đường D2B của KCN Becamex - Bình Phước) dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường. Tọa độ điểm

đầu nổi nước thải: X (m) = 542758; Y (m) = 1265907 (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến 106°15').

+ Nước thải từ quá trình giải nhiệt từ quy trình sản xuất keo dán công nghiệp phát sinh với lưu lượng khoảng 02 m³/năm và nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị phát sinh với lưu lượng khoảng 0,2 m³/ngày được thu gom, lưu trữ trong bồn nhựa. Nước thải sản xuất được quản lý như chất thải nguy hại và được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải công suất 05 m³/ngày (24 giờ)

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt (sau khi qua bể tự hoại), nước thải từ hệ thống lọc nước cấp cho sản xuất, nước thải từ quá trình rửa lọc → Hồ thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí (Anoxic) → Bể hiếu khí (Aerotank) → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Đầu nổi vào hệ thống xử lý nước tập trung KCN Becamex - Bình Phước.

- Công suất thiết kế: 05 m³/ngày (24 giờ).

- Chế độ vận hành: Liên tục.

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: Chlorine.

1.2.2. Nước thải từ quá trình giải nhiệt

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước cấp → Bồn chứa → Hệ thống các thiết bị làm mát → Tháp giải nhiệt → Tái sử dụng. Nước giải nhiệt (nước làm mát) sau khi được tái sử dụng nhiều lần có chứa cặn lắng được thải bỏ định kỳ và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải theo đúng quy định.

1.2.3. Nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bồn chứa. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và xử lý nước thải theo đúng quy định.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng cho hệ thống để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Thường xuyên kiểm tra đường ống, công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.

- Phối hợp với Chủ đầu tư hạ tầng KCN Becamex - Bình Phước để giám sát các thông số nước thải của nhà máy trước khi đầu nổi vào hệ thống thu gom

nước thải của KCN Becamex - Bình Phước. Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu, nước thải sẽ được quay vòng để xử lý lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và Khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải công suất 05 m³/ngày (24 giờ).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất 5 m³/ngày (24 giờ) (hồ ga trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước). Tọa độ: X = 542758; Y = 1265907 (Hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến 106°15').

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước (QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cột B).

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
1	Lưu lượng	-	-
2	pH	-	5,5 - 9
3	TSS	mg/l	100
4	COD	mg/l	150
5	BOD ₅	mg/l	50
6	Tổng N	mg/l	40
7	Tổng P	mg/l	6
8	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/l	10
9	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

Đảm bảo thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải từ hệ thống lọc nước cấp cho sản xuất, nước thải từ quá trình rửa lọc phát sinh bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư hạ tầng KCN Becamex - Bình Phước, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

Nước thải từ quá trình giải nhiệt được tái sử dụng cho quá trình sản xuất, thải bỏ định kỳ và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và xử lý nước thải theo đúng quy định. Nước thải vệ sinh máy móc, thiết bị được thu gom, lưu chứa bằng bồn chứa và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải (hóa chất sử dụng, điện năng tiêu thụ, sự cố...).

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Becamex - Bình Phước và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.6. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 2.
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...26.../GPMT-UBND
ngày .09../.5../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ công đoạn gia công sơ bộ và ngâm ủ của quá trình sản xuất keo dán công nghiệp.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

STT	Dòng khí thải	Vị trí	Tọa độ VN2000, kinh tuyến 106°15', múi chiều 3 ⁰	
			X (m)	Y (m)
1	Dòng khí thải số 01	Tại ống thoát hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn gia công sơ bộ và ngâm ủ (nguồn số 01)	1265696.022	542485.079

Vị trí xả khí thải: Lô B1-B, KCN Becamex - Bình Phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 22.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải

Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí, xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải

Chất lượng khí thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Quy chuẩn cho phép (*)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Butyl Acrylate	mg/m ³	11	6 tháng/lần - Đối với thông số ô nhiễm 2 - ethylhexyl acrylate sẽ thực hiện quan trắc khi có quy chuẩn so sánh	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)

2	Metyl Methacrylate	mg/m ³	410		
3	2 - ethylhexyl acrylate	mg/m ³	-		
4	Methacrylic acid	mg/m ³	70		
5	Acrylic acid	mg/m ³	11		

(*): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất vô cơ, hữu cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT) không quy định đối với các thông số ô nhiễm phát sinh từ hoạt động của dự án nên Chủ dự án đề xuất áp dụng Bộ Tiêu chuẩn OSHA -PEL của Cơ quan Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (Hoa Kỳ).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí thải từ quá trình ngâm ủ và gia công sơ bộ từ quá trình sản xuất keo dán (Nguồn số 1) được thu gom bằng chụp hút, sau đó, dẫn về hệ thống xử lý khí thải công suất 22.000 m³/giờ để xử lý, sau đó, thải ra ngoài môi trường bằng ống thoát khí cao 15m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý khí thải từ quá trình gia công sơ bộ và ngâm ủ: Khí thải → Chụp hút → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí.

- Công suất thiết kế: 22.000 m³/giờ.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải.

- Khi có sự cố, tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

- Kiểm tra thường xuyên hệ thống xử lý khí thải và định kỳ bổ sung/thay thế vật liệu sử dụng nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và Khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình gia công sơ bộ và ngâm ủ, công suất 22.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

01 vị trí, tương ứng với 01 ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất vô cơ, hữu cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT) không quy định đối với các thông số ô nhiễm phát sinh từ hoạt động của dự án nên Chủ dự án đề xuất áp dụng Bộ Tiêu chuẩn OSHA -PEL của Cơ quan Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (Hoa Kỳ).

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

Đảm bảo thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Khí thải từ công đoạn gia công sơ bộ và ngâm ủ đảm bảo không phát sinh các thông số ô nhiễm được quy định tại QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT. Khi Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp có thông số ô nhiễm phát sinh của dự án, Chủ dự án thực hiện quan trắc và áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5, Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 3.
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...25.../GPMT-UBND
ngày .09../5../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực đặt thiết bị trộn của quá trình sản xuất, gia công keo dán công nghiệp.
- Nguồn số 02: Khu vực đặt máy làm lạnh của quá trình sản xuất, gia công keo dán công nghiệp.
- Nguồn số 03: Máy ép thủy lực của quá trình sản xuất tấm đệm từ cao su.
- Nguồn số 04: Máy cắt từ quá trình sản xuất tấm đệm cao su.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Lô B1-B, KCN Becamex - Bình Phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1265705.430; Y = 542399.292.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1265690.339; Y = 542372.338.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1265672.807; Y = 542358.723.
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1265670.372; Y = 542375.396.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý. Lắp đặt thêm các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn.

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị, thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2.3. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4.
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...25.../GPMT-UBND
ngày .09./..5../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm dầu	18 02 01	KS	3.720
2	Nước thải nhiễm thành phần nguy hại từ quá trình sản xuất (nước thải vệ sinh máy móc, thiết bị và nước thải từ máy trộn)	08 03 03	KS	52.800
3	Nước thải nhiễm thành phần nguy hại từ quá trình sản xuất (nước thải từ quá trình giải nhiệt)	19 10 01	KS	2.000
4	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	KS	45
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	17
6	Pin, ắc quy chì thải	16 01 02	NH	18
7	Dầu thủy lực tổng hợp thải	13 01 11	NH	545
8	Bao bì cứng bằng nhựa (thùng, can nhựa chứa dầu nhớt, hóa chất thải)	18 01 03	KS	779
9	Than hoạt tính thải bỏ	12 01 04	NH	1.273,2
10	Keo dán hư hỏng thải bỏ trong quá trình sản xuất	08 03 01	KS	36.790
Tổng khối lượng				97.987,2

Đối với chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (Kg/năm)
1	Màng PE thải	03 02 12	TT-R	100
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 10	TT	321,6
3	Giấy vụn văn phòng	18 01 05	TT-R	24
4	Hộp giấy đóng gói tấm đệm cao su			100
5	Vật liệu đóng gói hồng (thùng chứa sản phẩm)			400
6	Pallet nhựa			200
7	Tấm đệm cao su	12 08 06	TT-R	56.840
8	Vật liệu lọc thải	12 10 01	TT	245
Tổng khối lượng				58.230,6

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 27 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Chất thải nguy hại được chứa trong các thùng chứa, bao bì lưu chứa chuyên dụng đảm bảo lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho: 15 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Có tường bao, mái che, nền chống thấm, có rãnh rôn thoát nước, có biển báo, thiết bị PCCC...

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Chất thải rắn công nghiệp thông thường được chứa trong các bao bì, thùng chứa chuyên dụng đảm bảo lưu chứa toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.

2.2.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho: 15 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Có tường bao, mái che, nền chống thấm, có biển báo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

Chất thải rắn sinh hoạt được chứa trong các thùng chứa đảm bảo lưu chứa toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

2.3.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho: 15 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Có tường bao, mái che, nền chống thấm, có biển báo.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định pháp luật.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5.**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...25.../GPMT-UBND
ngày .09./..5../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/ TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.
2. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
4. Quản lý nước thải sản xuất (nước giải nhiệt, vệ sinh máy móc, thiết bị) và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định, không xả trực tiếp ra môi trường.
5. Khi Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp có thông số ô nhiễm phát sinh từ hoạt động của dự án, Chủ dự án thực hiện quan trắc và áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành.
6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.
9. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.
10. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật./.